

Thang đo sức mạnh thị trường



24 Tháng Hai 2022

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,494.85	-1.15	3.83	28.64
HNX	434.88	-1.73	8.51	82.81
UPCOM	112.32	-1.05	5.25	47.36
MSCI EM	1,206.86	0.02	-1.25	-12.34
NIKKEI	25,970.82	-1.81	-5.64	-13.88
HANG SENG	22,901.56	-3.21	-7.12	-22.94
KOSPI	2,648.80	-2.60	-5.13	-11.56
FTSE	7,314.35	-2.45	0.24	9.84
S&P 500	4,225.50	-1.84	-4.19	7.64
NASDAQ	13,037.49	-2.57	-5.90	-4.12

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.98	2.63	15.61
SET INDEX	13.20	1.78	7.99
JCI INDEX	23.44	2.25	8.43
PCOMP INDEX	22.98	1.82	8.04

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	1.19	6	29	14
10 năm	2.22	-1	14	-5

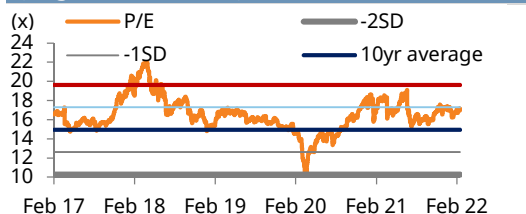
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,825	0.03	-0.81	1.24
US\$/KRW	1,203	-0.74	-0.53	-7.51
US\$/JPY	115	0.28	-0.65	-7.69
US\$/EUR	0.89	0.53	0.71	8.23
US\$/GBP	0.74	0.51	0.09	4.94
US\$/SGD	1.35	-0.44	-0.42	-2.40

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	932	898	927
HNX	139	91	131
UPCOM	88	59	70

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Áp lực bán mạnh hiện hữu

Tâm lý hoảng loạn duy trì vào phiên sáng khi lực bán tháo có phần gia tăng trước lo ngại về tình hình Nga - Ukraine. Tuy nhiên, lực cầu tham gia mạnh vào phiên chiều giúp thu hẹp đà giảm. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm 17,5 điểm tương ứng với 1,2% so với phiên trước và kết phiên tại 1,494 điểm. Thanh khoản trong phiên đạt mức cao nhất từ đầu tháng trở lại đây với hơn 1,1 tỷ cổ phiếu khớp lệnh, gần gấp đôi so với phiên trước đó với giá trị giao dịch đạt hơn 34,064 tỷ đồng.

Không nằm ngoài xu thế bán mạnh của nhà đầu tư, nhóm cổ phiếu VN30 cũng bị bán mạnh với số mã giảm áp đảo với 26 mã giảm điểm. Đứng đầu chiều giảm là TPB và VIC với mức giảm lần lượt là 3,2% và 3%. Còn ở chiều ngược lại, VPB và BVH tăng lần lượt 2,4% và 2,8%. Bên cạnh đó, diễn biến tăng trần và đóng cửa với mức giá cao nhất lịch sử của DXG cũng thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Thị trường chung chịu thêm áp lực bán ròng nhẹ của khối ngoại với tổng giá trị đạt hơn 200 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu danh sách bán ròng mạnh của khối ngoại là HDB với hơn 226 tỷ đồng và vị trí thứ 2 là CTG với 65 tỷ. Ở chiều ngược lại, KDC là mã được mua ròng gần 162 tỷ đồng.

Với diễn biến bán mạnh kèm theo khối lượng tăng đột biến đã làm cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index cũng biến động mạnh với mức giảm từ +5 điểm xuống còn -2 điểm. Trạng thái đánh giá trong ngắn hạn cũng giảm từ KHẢ QUAN xuống TRUNG TÍNH. P/E hiện tại của VN-Index đạt 17,0x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-1	TRUNG TÍNH
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-7	TIÊU CỰC
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

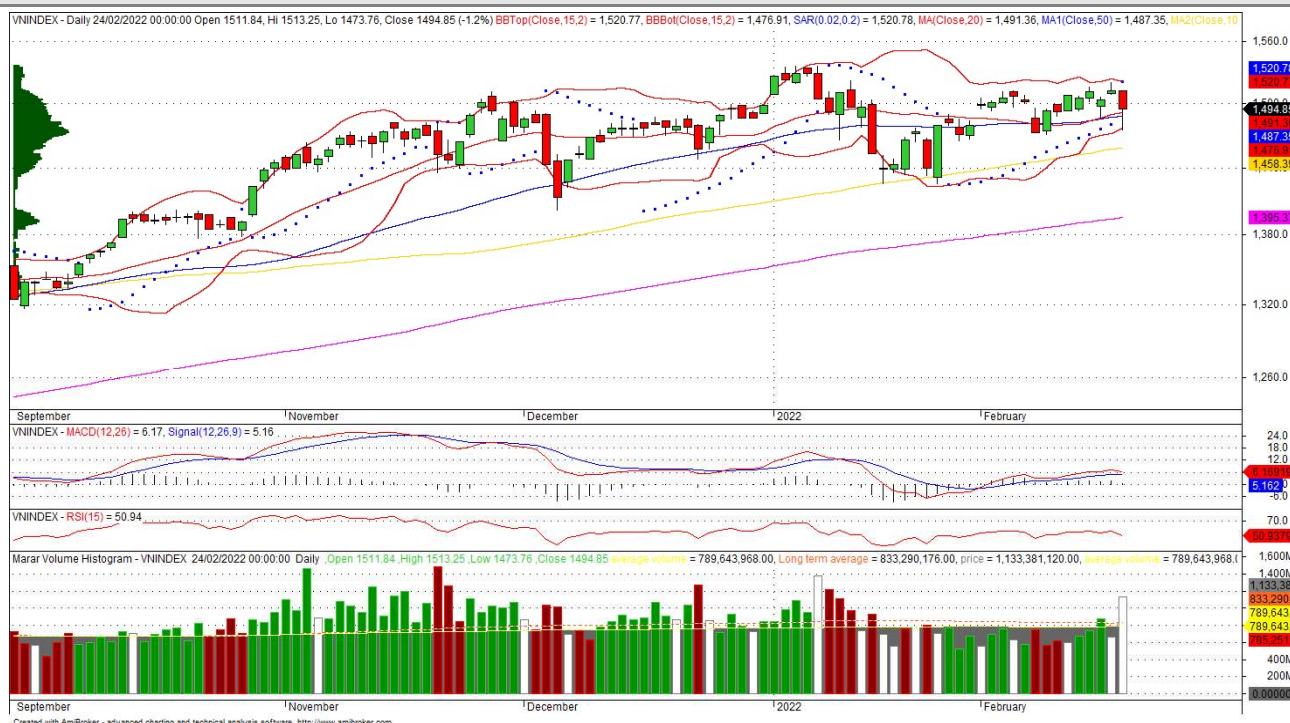
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/02/2022)	Kháng cự 1	1.520
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.580
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.430

VN-Index đóng cửa dưới ngưỡng 1,500 điểm, thanh khoản tăng mạnh và cao nhất từ đầu tháng 2

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

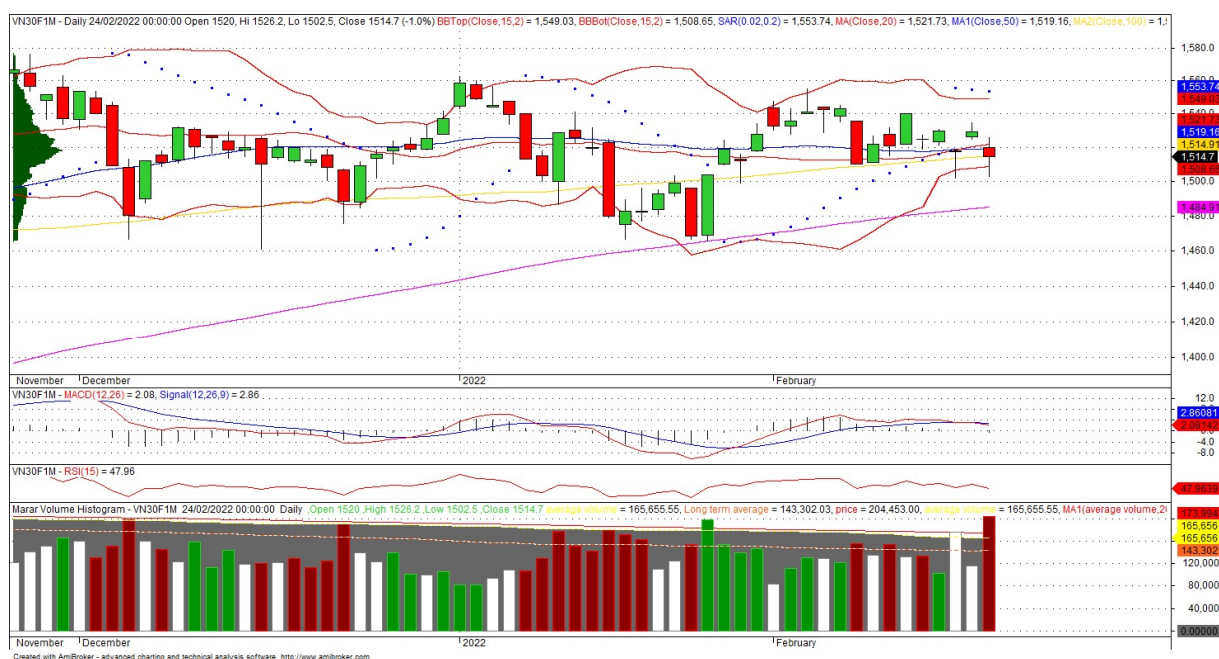
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/02/2022)	1.514,7	Kháng cự 1 1.550
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.580
VN30 - đóng cửa	1.522	Hỗ trợ 1 1.520
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-7.3	Hỗ trợ 2 1.480

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M vẫn giữ được trên ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh MA100

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FRT	Bán lẻ	124,700	1,238,460	88	5	
PET	Bán lẻ	52,500	931,460	96	7	
SZC	Bất động sản	82,300	1,380,630	77	6	
PVS	Dầu khí	34,800	10,707,89	86	7	
TNG	Dệt may	34,000	1,787,425	94	7	Top sức mạnh ngành
PC1	Điện	37,850	1,150,930	90	4	
REE	Điện	73,500	529,080	72	4	
DGC	Hóa chất	161,900	776,390	100	5	Top sức mạnh ngành
CSV	Hóa chất	49,450	582,915	97	7	Top sức mạnh ngành
TDM	Nước	37,000	509,370	86	4	
DPM	Phân bón	54,200	4,805,005	80	7	Top sức mạnh ngành
HAX	Phân phối ô tô	34,900	957,200	98	4	Top sức mạnh ngành
FMC	Thủy sản	59,000	206,555	90	4	
PVT	Vận tải Thủy	25,000	2,885,610	97	7	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
BSR	28.5	14,984,170	7	KHẢ QUAN	88,364	#N/A N/A	2.8	427
DXG	43.2	9,480,335	7	KHẢ QUAN	25,748	22.3	2.9	410
PVS	34.8	10,707,890	7	KHẢ QUAN	16,633	27.6	1.4	373
PVD	35.6	8,747,365	7	KHẢ QUAN	14,992	957.5	1.1	311
DPM	54.2	4,805,005	7	KHẢ QUAN	21,210	6.8	2.0	260
PLX	63.4	2,791,320	7	KHẢ QUAN	80,556	27.1	3.2	177
DCM	34.45	4,218,420	7	KHẢ QUAN	18,238	10.4	2.4	145
TTF	15	4,875,955	7	KHẢ QUAN	5,903	532.0	10.7	73
PVT	25	2,885,610	7	KHẢ QUAN	8,091	12.1	1.6	72
HUT	29.3	2,407,375	7	KHẢ QUAN	10,215	186.9	2.7	71
OIL	20.5	3,281,745	7	KHẢ QUAN	21,202	#N/A N/A	2.2	67
TNG	34	1,787,425	7	KHẢ QUAN	3,152	12.2	2.2	61
BVH	59	859,510	7	KHẢ QUAN	43,797	23.6	2.1	51
CII	33.5	12,000,595	6	KHẢ QUAN	8,006	#N/A N/A	1.6	402
HBC	27.3	7,640,330	6	KHẢ QUAN	6,706	67.2	1.8	209
MWG	136.8	990,970	6	KHẢ QUAN	97,516	19.7	4.8	136
SZC	82.3	1,380,630	6	KHẢ QUAN	8,230	27.3	5.6	114
DPG	66.7	855,995	6	KHẢ QUAN	4,202	11.7	3.1	57
TSC	18.3	2,960,595	6	KHẢ QUAN	2,702	23.5	1.6	54
VND	76	4,527,050	5	KHẢ QUAN	33,056	12.2	3.4	344
LDG	21	10,112,270	5	KHẢ QUAN	5,028	37.6	1.6	212
FRT	124.7	1,238,460	5	KHẢ QUAN	9,849	22.2	5.9	154
GAS	119	1,111,135	5	KHẢ QUAN	227,760	27.2	4.5	132

DGC	161.9	776,390	5	KHẢ QUAN	27,698	12.3	4.6	126
VIX	22.85	3,984,980	5	KHẢ QUAN	6,275	9.1	2.2	91
DIG	87.4	6,594,465	4	KHẢ QUAN	43,690	43.3	5.9	576
GEX	39.35	13,991,960	4	KHẢ QUAN	33,506	27.6	2.8	551
SHS	42.5	4,352,685	4	KHẢ QUAN	13,824	9.2	2.3	185
ROS	8.1	21,932,260	4	KHẢ QUAN	4,598	48.4	0.8	178
SCR	20.95	7,765,395	4	KHẢ QUAN	7,675	41.0	1.6	163
VJC	148	886,370	4	KHẢ QUAN	80,158	65.2	4.7	131
NBB	33.8	2,865,375	4	KHẢ QUAN	3,385	10.5	1.8	97
VPI	63.6	1,515,620	4	KHẢ QUAN	13,992	39.3	4.4	96
DGW	113	620,220	4	KHẢ QUAN	9,989	15.1	5.6	70
VGW	26.3	2,408,260	4	KHẢ QUAN	13,150	46.1	2.1	63
PAN	31.5	2,003,520	4	KHẢ QUAN	6,580	22.3	1.6	63
HDC	89	611,990	4	KHẢ QUAN	7,696	24.2	5.3	54
VPB	36.9	15,059,570	3	TRUNG TÍNH	164,038	13.8	2.1	556
HPG	46	18,698,960	2	TRUNG TÍNH	205,754	6.0	2.3	860
MBB	34	22,465,280	2	TRUNG TÍNH	128,463	10.1	2.2	764
CEO	64.8	6,947,425	2	TRUNG TÍNH	16,676	179.0	5.6	450
SSI	44.6	8,592,385	2	TRUNG TÍNH	44,277	16.1	3.1	383
NKG	40.3	6,222,650	2	TRUNG TÍNH	8,842	3.7	1.5	251
VCI	60.5	2,417,740	2	TRUNG TÍNH	20,147	13.4	3.1	146
IDC	70.3	1,811,040	2	TRUNG TÍNH	21,090	46.6	5.4	127
FCN	24.25	4,566,530	2	TRUNG TÍNH	3,818	28.8	1.4	111
DBC	76.8	1,324,240	2	TRUNG TÍNH	8,850	10.7	1.9	102
GMD	51.4	1,927,190	2	TRUNG TÍNH	15,491	27.8	2.5	99
HNG	9.07	10,614,550	2	TRUNG TÍNH	10,055	178.5	1.5	96
VHC	77.2	968,935	2	TRUNG TÍNH	14,046	12.8	2.4	75
HQC	7.12	10,335,840	2	TRUNG TÍNH	3,393	814.7	0.8	74
KSB	41.95	1,692,725	2	TRUNG TÍNH	3,201	14.2	1.7	71
HDG	68.7	1,011,295	2	TRUNG TÍNH	14,004	12.1	3.1	69
KDH	52.8	1,225,165	2	TRUNG TÍNH	33,947	28.8	3.3	65
CTD	97.1	645,700	2	TRUNG TÍNH	7,172	312.7	0.9	63
VHG	9	6,221,325	2	TRUNG TÍNH	1,350	#N/A N/A	7.1	56
IDJ	31.7	1,609,925	2	TRUNG TÍNH	3,926	18.0	3.8	51
PDR	88.6	3,231,480	1	TRUNG TÍNH	43,660	23.6	6.2	286
HSG	35.55	6,944,350	1	TRUNG TÍNH	17,543	4.1	1.6	247
LCG	18.8	4,561,875	1	TRUNG TÍNH	3,241	15.0	1.4	86
SBT	22.75	3,384,985	1	TRUNG TÍNH	14,313	20.7	1.7	77
KBC	57.1	8,817,285	0	TRUNG TÍNH	32,533	35.8	2.4	503
FLC	12.1	27,417,496	0	TRUNG TÍNH	8,591	105.6	0.9	332
VCG	42.7	5,237,955	0	TRUNG TÍNH	18,861	36.9	2.9	224
NLG	52.4	3,496,585	0	TRUNG TÍNH	20,066	17.1	2.2	183
ITA	15.8	10,603,730	0	TRUNG TÍNH	14,825	50.8	1.3	168
TCH	21.3	7,160,430	0	TRUNG TÍNH	14,233	20.3	1.6	153
MSN	159.5	884,615	0	TRUNG TÍNH	188,295	22.0	5.7	141
KDC	54.8	2,111,720	0	TRUNG TÍNH	13,789	23.4	2.1	116
PNJ	109	1,018,115	0	TRUNG TÍNH	24,783	24.0	4.1	111
HCM	37.15	2,960,625	0	TRUNG TÍNH	16,985	13.2	2.3	110

BCG	23.55	4,274,110	0	TRUNG TÍNH	10,510	9.6	2.9	101
HAH	76.5	1,241,680	0	TRUNG TÍNH	3,732	8.7	2.4	95
FPT	92	987,500	0	TRUNG TÍNH	83,495	21.1	4.7	91
AAA	17.55	4,514,980	0	TRUNG TÍNH	5,729	17.5	1.2	79
IJC	28.65	2,002,770	0	TRUNG TÍNH	6,220	10.6	1.9	57
PHR	82.5	676,650	0	TRUNG TÍNH	11,179	20.6	3.7	56
GVR	33.7	1,465,855	0	TRUNG TÍNH	134,800	31.7	2.8	49
HHV	23.25	5,267,410	-1	TRUNG TÍNH	6,217	#N/A N/A	1.0	122
VGC	53	1,089,715	-1	TRUNG TÍNH	23,763	19.4	3.3	58
POW	17.75	19,028,796	-2	TRUNG TÍNH	41,568	23.4	1.4	338
TPB	41.25	7,406,370	-2	TRUNG TÍNH	65,247	12.5	2.5	306
ACB	34.45	8,865,055	-2	TRUNG TÍNH	93,082	9.7	2.1	305
VIB	46.85	2,280,395	-2	TRUNG TÍNH	72,765	11.5	3.0	107
PVX	7.3	10,862,220	-2	TRUNG TÍNH	2,920	#N/A N/A	14.0	79
STB	32.9	26,192,276	-4	TIÊU CỰC	62,024	17.7	1.8	862
VRE	34	7,400,380	-4	TIÊU CỰC	77,259	58.8	2.5	252
CTG	33.85	12,077,220	-5	TIÊU CỰC	162,675	11.5	1.7	409
VIC	80.1	4,501,255	-5	TIÊU CỰC	305,496	#N/A N/A	3.1	361
HAG	10.5	19,940,130	-5	TIÊU CỰC	9,738	52.9	2.2	209
NVL	76	2,514,295	-5	TIÊU CỰC	146,712	39.7	4.2	191
BID	44.6	3,376,525	-5	TIÊU CỰC	225,610	21.3	2.7	151
HVN	25.65	5,499,300	-5	TIÊU CỰC	56,799	#N/A N/A	23.7	141
VHM	78.6	4,224,325	-6	TIÊU CỰC	342,253	8.7	2.7	332
TCB	50.5	11,275,180	-7	TIÊU CỰC	177,301	9.8	1.9	569
LPB	22.8	15,563,090	-7	TIÊU CỰC	27,442	9.4	1.6	355
SHB	21.7	11,772,245	-7	TIÊU CỰC	57,871	10.9	1.6	255
HDB	28.8	6,129,025	-7	TIÊU CỰC	57,952	9.5	2.0	177
VNM	78.6	2,132,105	-7	TIÊU CỰC	164,270	17.4	5.0	168
VCB	85.3	1,838,205	-7	TIÊU CỰC	403,684	17.0	3.6	157

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Tổng thống Nga lệnh mở chiến dịch quân sự ở miền đông Ukraine

Tổng thống Nga Vladimir Putin quyết định mở chiến dịch quân sự để “bảo vệ” vùng Donbass ở Ukraine, hãng tin Tass đưa tin, trích dẫn bài phát biểu của ông chủ Điện Kremlin trên truyền hình sáng sớm nay. Tổng thống Putin cho biết động thái này nhằm ứng phó với các mối đe dọa đến từ Ukraine. Ông khẳng định Nga không có ý định chiếm đóng Ukraine, kêu gọi các lực lượng Ukraine từ bỏ vũ khí và trở về nhà. Theo bản dịch của Reuters, Tổng thống Putin cho biết mục tiêu của chiến dịch là “phi quân sự hóa và phi phát xít hóa Ukraine”. Ông cảnh báo mọi nỗ lực can thiệp vào hành động của Nga sẽ dẫn đến “những hệ quả họ chưa từng thấy”. Điện Kremlin ngày 23/2 cho biết các lãnh đạo ly khai ở miền đông Ukraine đã kêu gọi Tổng thống Putin hỗ trợ đối phó với lực lượng chính phủ Ukraine. Trước đó, lãnh đạo hai nhà nước cộng hòa tự xưng Donetsk và Luhansk đã ký hiệp ước với Tổng thống Putin hôm 21/2. Phe ly khai ở Donetsk và Luhansk đang kiểm soát khoảng 30% lãnh thổ của hai vùng này tính đến ngày 23/2. Khu vực còn lại đang nằm trong tay các lực lượng chính phủ Ukraine, theo Bloomberg.

Việt Nam nhập siêu 2,53 tỷ USD đến giữa tháng 2

Theo Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ 1/2 đến 15/2 đạt 21,41 tỷ USD, giảm 33,8% (tương ứng giảm 10,92 tỷ USD) so với nửa cuối tháng 1, chủ yếu do rơi vào kỳ nghỉ Tết. Kết quả đạt được trong nửa đầu tháng 2 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/2 đạt 81,69 tỷ USD, tăng 9,8%, tương ứng tăng 7,3 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 56,91 tỷ USD, tăng 6,9% (tương ứng tăng tới 3,7 tỷ USD), trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước là 24,78 tỷ USD, tăng 17% (tương ứng tăng 3,59 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2021. Trong nửa đầu tháng 2, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 3,9 tỷ USD. Tính từ đầu năm đến hết 15/2, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,53 tỷ USD. Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 2 đạt 8,75 tỷ USD, giảm 50,5% (tương ứng giảm 8,93 tỷ USD) so với kỳ 2 tháng 1. Trị giá xuất khẩu nửa đầu tháng 2 giảm so với nửa cuối tháng 1 ở một số nhóm hàng sau: hàng dệt may giảm 1,41 tỷ USD, tương ứng giảm 67,3%, máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng giảm 1,1 tỷ USD, tương ứng giảm 51,1%, điện thoại các loại và linh kiện giảm 1,01 tỷ USD, tương ứng giảm 38,3%, máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện giảm 875 triệu USD, tương ứng giảm 35,2%...

NAB: thu về hơn 2.800 tỷ đồng từ chào bán riêng lẻ

Nam A Bank ([UPCoM: NAB](#)) thông báo đã phân phối 143 triệu cổ phiếu NAB trong đợt phát hành riêng lẻ vừa qua, hoàn thành 100% lượng chào bán. Lượng cổ phiếu được bán cho 8 nhà đầu tư tổ chức với giá 20.000 đồng/cp. Ngân hàng thu ròng 2.831 tỷ đồng. Các nhà đầu tư mua cổ phiếu Nam A Bank gồm Công ty TNHH Sản xuất – Xuất Nhập khẩu – Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ,

CTCP Thương mại Sản xuất Độc Lập, CTCP Kim Phong Bảo cùng mua khối lượng như nhau 22,8 triệu cổ phiếu. Trong khi đó, Công ty TNHH Anh Quốc SG mua 22,7 triệu cổ phiếu, CTCP Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse mua 22,6 triệu đơn vị, CTCP Đầu tư Thương mại Cửu Long RESIDENCE mua 20,6 triệu cổ phiếu. Hai đơn vị còn lại là Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ Bất động sản Thăng Long mua 6,7 triệu cổ phần và Công ty TNHH M8 mua 2 triệu đơn vị.

NBB: CII bán xong 9 triệu cổ phiếu

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM ([HOSE: CII](#)) đã bán 9 triệu cổ phiếu cổ phiếu NBB của CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy ([HoSE:NBB](#)) như đăng ký, giảm lượng nắm giữ từ hơn 60,22 triệu đơn vị (tỷ lệ 60,13%) xuống hơn 51,22 triệu đơn vị (tỷ lệ 51,14%). Giao dịch được thực hiện theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh từ ngày 25/1 đến 23/2. Thời gian vừa qua CII liên tục bán ra lượng lớn cổ phiếu NBB, giảm tỷ trọng sở hữu tại Năm Bảy Bảy. Trước đó, từ ngày 12/1 đến 20/1, CII đã bán ra 5,2 triệu cổ phiếu NBB, ngay sau khi cổ phiếu NBB đạt đỉnh ở gần 60.000 đồng/ cổ phiếu. Tuy nhiên, giai đoạn từ 12/1 đến 20/1, cổ phiếu NBB giảm xuống từ 55.600 đồng/ cổ phiếu còn 40.300 đồng/ cổ phiếu. Giai đoạn đầu tháng 2/2022, cổ phiếu NBB có lúc giảm mạnh xuống 30.000 đồng/cổ phiếu trước khi tăng trở lại lên 36.000 đồng/cổ phiếu như hiện nay.

CII: bán được 3,5 triệu cổ phiếu quỹ, chưa tới 8% lượng đăng ký

Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM ([HoSE: CII](#)) thông báo đã bán được hơn 3,5 triệu đơn vị trong 44,3 triệu cổ phiếu quỹ mang ra bán, tỷ lệ thực hiện 7,9%. Thời gian thực hiện giao dịch từ 24/1 đến 22/2. Giá giao dịch bình quân 35.128 đồng/cp, công ty thu về 123 tỷ đồng. Theo BCTC quý IV/2021, 44,3 triệu cổ phiếu quỹ của CII có giá trị hơn 1.027 tỷ đồng, tương đương hơn 23.180 đồng/cp. CII cho biết không thực hiện hết số lượng đăng ký do thị giá cổ phiếu CII trong thời gian từ 26/1 đến 21/2 thấp hơn khoảng giá đã được HĐQT thông qua. Sau giao dịch, CII còn lại gần 40,8 triệu cổ phiếu quỹ. Ban lãnh đạo CII có quyết định bán cổ phiếu quỹ khi cổ phiếu này có đà tăng giá mạnh từ vùng 25.700 đồng/cp lên 60.800 đồng/cp trong 1 tháng từ nửa cuối tháng 12/2021 đến giữa tháng 1 năm nay. Tuy nhiên, sau thông tin Tân Hoàng Minh bỏ cọc đầu giá lô đất tại Thủ Thiêm, cổ phiếu CII lao dốc. Đến thời điểm CII bắt đầu bán cổ phiếu quỹ 26/1 thì đã giảm về lại vùng giá giữa tháng 12/2021 là 25.000 – 26.000 đồng/cp. Hiện nay, cổ phiếu này đã phục hồi lên lại vùng 34.800 đồng/cp.

NVL: lập công ty con làm dự án 23.500 ha tại Đắk Nông

HĐQT Novaland ([HoSE: NVL](#)) vừa thông qua góp 51 tỷ đồng thành lập Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Novaland Đất Tâm theo loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên. Đơn vị này có vốn điều lệ ban đầu 100 tỷ đồng, theo đó Novaland sẽ sở hữu 51% vốn điều lệ. Novaland Đất Tâm dự kiến đặt trụ sở tại 61 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP HCM. Đầu tháng 1, liên danh Novaland và CTCP Đầu tư Đất Tâm đã có buổi báo cáo ý tưởng quy hoạch khu vực huyện Đắk Glong và Vườn quốc gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông. Liên danh đã trình bày ý tưởng về một dự án khu du lịch quy mô lớn, tạo nhiều sản phẩm vui chơi giải trí cộng đồng, du lịch trải nghiệm, thể thao, mạo hiểm; du lịch sinh thái, tâm linh. Dự án

có quy mô khoảng 23.500 ha với 7 phân khu với các tiện ích cùng chuỗi lưu trú. Liên danh cho biết đây sẽ là một trong những dự án trọng điểm với cụm sân golf trên núi

DRH: muốn phát hành 400 tỷ đồng trái phiếu trong quý I

DRH Holdings ([HoSE: DRH](#)) vừa công bố Nghị quyết HĐQT thông qua chủ trương phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo lần 1 năm 2022 với tổng mệnh giá 400 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu 24 tháng, thời gian phát hành dự kiến trong quý I. Về tình hình kinh doanh năm 2021, doanh thu thuần giảm 38,5% xuống hơn 48 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế giảm 66% còn 15,7 tỷ đồng. Với kết quả này, công ty thực hiện được 6% mục tiêu doanh thu và 17% chỉ tiêu lợi nhuận. Về nguồn vốn, vay nợ tài chính ngắn hạn tăng 50% lên 442,6 tỷ đồng. Doanh nghiệp không có nợ vay dài hạn. Hệ số nợ vay/vốn chủ là 51,5%. Tại thời điểm cuối quý IV, DRH Holdings có 230,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 19,5 tỷ quỹ đầu tư phát triển. Sang năm 2022, doanh nghiệp lên kế hoạch kinh doanh lợi nhuận trước thuế 212 tỷ đồng, gấp hơn 13,5 lần và cũng là mức kỷ lục từ khi hoạt động. Hơn nữa, doanh nghiệp bất động sản này còn đề ra tham vọng tăng trưởng trên 40%/năm cho 3 năm tới, qua đó cán mốc lợi nhuận trên 500 tỷ đồng năm 2025.

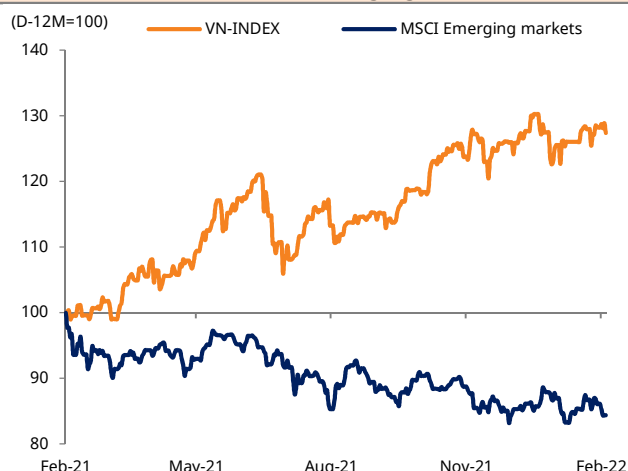
DPM: bắt ngờ thu lãi 1,000-1,100 tỷ đồng ngay trong tháng 1

Theo báo cáo cập nhật ngày 23/02, Công ty Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV) nhận định căng thẳng giữa Ukraina và Nga cùng với tình trạng thiếu khí đốt ở Châu Âu khiến cho giá dầu hiện vẫn neo ở mức cao và theo đó, giá phân bón không thể sớm hạ nhiệt. Mặc dù vậy, theo dự báo của Hiệp hội Phân bón quốc tế, công suất sản xuất phân ure thế giới trong năm 2022 dự kiến tăng thêm 7.5 triệu tấn lên 224.5 triệu tấn/năm nhờ vào các dự án đẩy mạnh xuất khẩu của Nigeria và Brunei và các dự án thay thế nguồn hàng nhập khẩu của Ấn Độ. Bên cạnh đó, với việc gỡ bỏ hạn chế xuất khẩu phân bón của Nga kể từ tháng 6/2022, nguồn cung phân bón ra thị trường sẽ sớm tăng trở lại trong giai đoạn nửa cuối năm. Với nhu cầu về phân bón dự báo đi ngang trong năm 2022 và kịch bản giá dầu thô 65 USD/thùng, giá phân ure dự kiến sẽ giao dịch quanh ngưỡng 400 USD/tấn, tương đồng với diễn biến giai đoạn 2012-2013. Còn tại Việt Nam, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, tổng giá trị phân bón xuất khẩu sơ bộ tháng 01/2022 của Việt Nam đạt 171 triệu USD, tăng 349.5 % so với cùng kỳ. Đáng chú ý, ngay nửa đầu tháng 1, hơn 130 ngàn tấn phân ure đã được xuất khẩu sang Ấn Độ với tổng giá trị ước đạt 105 triệu USD. Theo thông tin KBSV thu thập được, DPM là một trong số các doanh nghiệp trúng gói thầu trên và đã kịp xuất bán ngay trong tháng 1. Với mức giá ure dao động từ 750-800 USD/tấn vào thời điểm đó, DPM dự kiến thu về khoản lợi nhuận ước đạt 1,000-1,100 tỷ đồng.

Bản tin thị trường

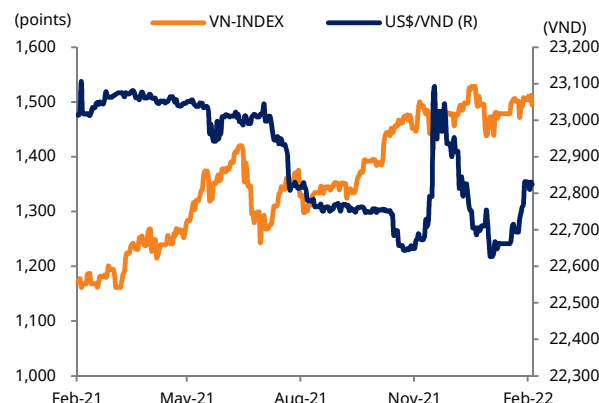
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



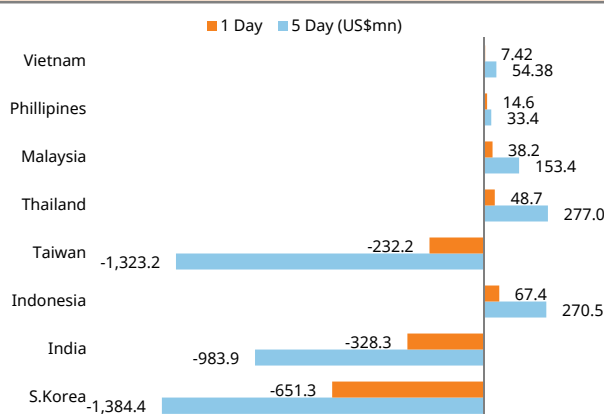
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



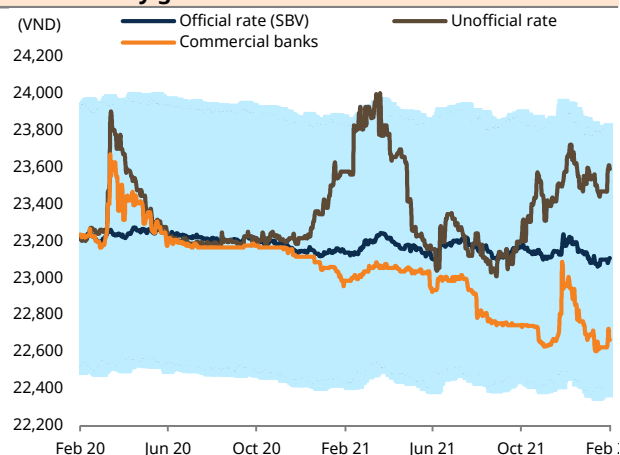
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



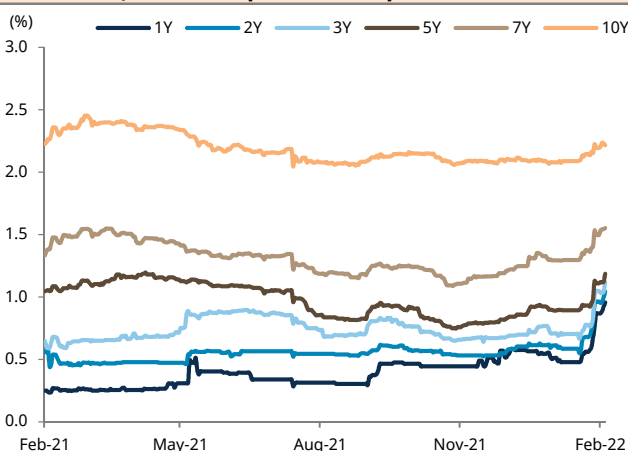
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



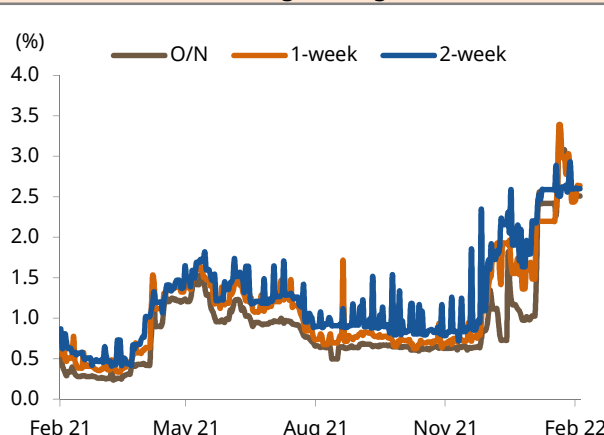
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,522.04	4,060,904		-1.1	-1.2	3.4	30.4	14.6	12.2	2.6	2.2	35.0	20.0	23.0	20.4
Asia Commercial Bank	ACB VN	34,450	93,082	30.0	-0.4	0.4	0.3	38.0	9.7	7.5	2.1	1.6	26.5	28.8	23.9	24.3
BIDV	BID VN	44,600	225,610	16.9	-2.2	-3.0	-4.9	30.3	21.3	18.3	2.7	2.3	81.7	16.5	13.2	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	59,000	43,797	26.4	2.4	3.7	15.5	-1.2	23.3	21.0	2.1	1.9	20.9	10.9	9.1	9.6
VietinBank	CTG VN	33,850	162,675	26.0	-2.9	-3.0	-5.0	16.5	11.5	8.9	1.7	1.5	2.9	29.9	15.9	18.9
FPT Corp	FPT VN	92,000	83,495	49.0	-1.1	-0.9	7.9	40.3	21.2	16.3	4.7	3.8	21.4	30.0	23.4	25.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	119,000	227,760	2.9	1.7	0.3	11.1	35.1	27.3	19.2	4.5	4.1	8.1	42.2	17.4	21.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	33,700	134,800	0.5	-1.6	-0.9	11.8	17.0	31.7	26.7	2.8	#N/A	12.8	18.6	8.9	9.9
HDBank	HDB VN	28,800	57,952	16.9	-2.9	-3.2	-0.7	41.5	9.5	8.3	2.0	1.6	42.5	14.3	23.3	21.0
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,000	205,754	23.1	-1.5	-1.1	13.0	42.4	6.0	6.5	2.3	1.6	170.6	-8.6	46.1	29.4
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	52,800	33,947	33.0	-2.4	-3.8	7.5	76.5	29.5	22.4	3.3	3.2	-4.4	31.3	12.2	15.6
MBBank	MBB VN	34,000	128,463	23.2	-1.0	2.4	5.9	70.0	10.1	8.8	2.2	1.7	53.0	14.4	23.6	22.3
Masan Group Corp	MSN VN	159,500	188,295	28.8	1.5	-2.1	11.5	75.3	21.9	30.6	5.7	6.3	589.7	-28.2	35.1	20.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	136,800	97,516	49.0	-0.7	1.7	5.3	53.4	22.0	15.7	4.8	4.0	7.7	40.4	27.3	27.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	76,000	146,712	7.1	-1.8	-3.8	-2.7	68.0	41.7	34.7	4.2	4.3	-18.5	20.1	10.6	13.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	88,600	43,660	2.8	-1.6	-3.7	3.7	72.5	23.1	#N/A	6.2	#N/A	60.9	#N/A	30.7	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	63,400	80,556	17.2	1.4	5.7	16.8	10.6	27.9	20.7	3.2	3.2	230.7	35.1	12.3	15.5
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	109,000	24,783	48.2	-0.5	1.0	12.5	31.6	24.0	18.3	4.1	3.6	5.5	30.9	18.3	21.5
PetroVietnam Power Corp	POW VN	17,750	41,568	2.6	-2.2	-4.6	14.5	40.3	23.4	22.0	1.4	1.3	-23.9	6.3	6.1	6.1
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	169,700	108,825	62.6	-0.1	-0.5	17.0	-8.4	30.4	26.5	5.1	4.6	-21.7	14.9	17.9	19.6
SSI Securities Corp	SSI VN	44,600	43,831	38.9	-1.5	-0.9	7.6	101.8	16.0	21.3	3.1	#N/A	114.9	-24.7	22.5	13.7
Sacombank	STB VN	32,900	62,024	18.8	-2.1	-2.9	-1.2	79.3	17.7	13.1	1.8	1.6	48.8	35.0	10.8	13.1
Techcombank	TCB VN	50,500	177,301	22.5	-2.3	-3.3	0.4	29.2	9.8	8.4	1.9	1.6	46.3	16.9	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	41,250	65,247	29.7	-3.2	0.2	9.3	103.2	12.5	9.1	2.5	2.1	30.7	37.8	22.6	22.2
Vietcombank	VCB VN	85,300	403,684	23.6	-1.8	-2.5	-8.3	11.0	14.4	16.3	3.6	2.9	68.6	-11.3	21.4	20.6
Vinhomes JSC	VHM VN	78,600	342,253	23.9	-1.0	-2.7	3.1	-0.6	8.7	9.5	2.7	2.2	41.6	-8.5	36.4	26.4
Vingroup JSC	VIC VN	80,100	305,496	13.0	-2.9	-3.6	-15.7	-16.7	NA	57.9	3.1	3.1	-154.2	-269.8	-3.1	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	148,000	80,158	16.5	-0.1	4.5	22.8	12.2	498.3	43.3	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	78,600	164,270	54.4	-1.8	-2.7	-3.0	-25.7	17.4	15.6	5.0	4.7	-5.3	11.5	29.3	32.3
VPBank	VPB VN	36,900	164,038	15.2	2.8	1.7	10.3	67.3	13.8	11.2	2.1	1.7	12.4	23.9	18.0	16.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	34,000	77,259	30.0	-2.6	-1.3	9.7	0.9	58.8	27.2	2.5	2.3	-44.8	116.4	4.4	9.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-17.45	5,973,865	-1.2	-0.9	3.8	28.6	17.4	14.0	2.7	2.3	34.0	24.1	19.9	19.5
Ô tô và phụ tùng	-0.01	9,239	0.0	0.4	1.6	31.6	5.9	5.4	1.1	1.0	29.3	9.7	10.8	11.5
Ngân hàng	-7.07	1,877,112	-5.0	-5.0	1.3	44.7	13.2	9.5	2.0	1.6	11.9	29.9	18.7	19.4
Xây dựng cơ bản	-2.58	326,614	-0.4	0.0	-8.4	105.8	164.4	81.2	12.5	11.4	96.4	11.7	9.6	9.4
May mặc và trang sức	-0.01	54,242	-0.2	1.0	5.1	50.5	12.8	9.8	2.2	1.7	33.6	26.0	16.8	17.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.07	10,243	1.1	0.5	6.3	14.7	0.6	23.1	0.2	#N/A	200.2	-126.8	-9.2	2.7
Dịch vụ tài chính	-0.25	168,193	-3.9	-3.5	-7.4	150.4	5.6	5.2	#N/A	#N/A	-24.7	6.3	12.6	4.0
Năng lượng	0.57	108,697	1.4	1.9	7.2	21.6	19.2	15.6	2.5	2.3	329.5	27.5	14.0	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.91	595,952	1.0	2.0	1.6	22.7	19.9	15.5	4.1	3.6	0.1	22.9	20.7	21.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	4,110	-1.8	-2.5	-14.2	77.2	5.8	#N/A	0.9	#N/A	37.7	#N/A	10.1	#N/A
Bảo hiểm	0.23	57,355	-1.6	-2.7	-0.5	8.1	15.1	11.9	1.4	1.3	18.1	27.4	8.4	9.9
Nguyên vật liệu	-1.15	532,184	-1.8	-0.6	-1.1	65.1	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Dược phẩm	-0.14	33,505	-1.3	-1.4	-1.8	15.9	11.4	6.6	1.7	1.1	17.9	6.7	13.2	7.7
Bất động sản	-5.41	1,262,906	-1.0	-3.3	-7.4	27.4	25.1	14.5	2.3	1.9	-38.5	44.0	14.2	13.9
Bán lẻ	-0.07	115,926	-2.2	-3.0	0.3	67.9	14.8	12.4	3.7	3.2	34.2	16.4	25.4	25.7
Phần mềm và dịch vụ	-0.27	90,805	-0.7	0.3	0.3	44.1	15.1	13.0	3.5	3.3	31.4	13.1	23.7	25.4
Thiết bị và phần cứng	0.03	9,989	0.3	0.3	-10.3	159.8	13.0	10.7	4.2	3.0	14.4	20.9	23.2	25.4
Vận tải	-0.84	220,888	2.3	1.6	9.8	34.1	61.3	24.2	0.5	0.4	59.4	455.2	-189.5	68.4
Tiện ích	0.43	382,883	2.2	3.2	6.1	35.5	14.2	12.3	2.6	2.4	38.7	15.6	14.5	15.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VPB VN	36,900	2.8	35,730,400	1.1
GAS VN	119,000	1.7	1,890,000	1.0
MSN VN	159,500	1.5	989,000	0.7
DXG VN	43,200	6.9	24,021,200	0.4
DPM VN	54,200	6.9	15,093,300	0.4
DCM VN	34,450	7.0	14,960,700	0.3
PLX VN	63,400	1.4	5,798,300	0.3
BVH VN	59,000	2.4	2,656,100	0.3
PVD VN	35,600	6.3	17,415,100	0.2
DGC VN	161,900	3.1	2,082,900	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	80,100	-2.9	6,367,500	-2.3
VCB VN	85,300	-1.8	2,078,700	-1.9
BID VN	44,600	-2.2	3,385,900	-1.3
CTG VN	33,850	-2.9	16,477,000	-1.2
TCB VN	50,500	-2.3	15,534,300	-1.1
VHM VN	78,600	-1.0	5,284,300	-0.9
HPG VN	46,000	-1.5	22,445,800	-0.8
VNM VN	78,600	-1.8	2,723,500	-0.7
DIG VN	87,400	-6.0	10,818,300	-0.7
NVL VN	76,000	-1.8	2,726,800	-0.7

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.